

Con người trong phát triển bền vững

PGS, TS ĐẶNG QUANG ĐỊNH

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Email: dinhhcma@gmail.com

Nhận ngày 10 tháng 12 năm 2022; chấp nhận đăng tháng 2 năm 2023.

Tóm tắt: Nhân loại đang đứng trước nhiều vấn đề phức tạp cần phải giải quyết, trong đó có vấn đề môi trường, vì sự phát triển bền vững. Tuy nhiên, nhận thức và cách giải quyết của mỗi chủ thể liên quan đến vấn đề này cũng còn có những khác nhau, nên hiệu quả đạt được vẫn còn nhiều hạn chế. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến cuộc sống của thế hệ hiện tại mà còn có nguy cơ ảnh hưởng đến các thế hệ tương lai, do vậy rất cần có nhận thức sâu sắc và hành động thống nhất, hiệu quả.

Từ khóa: phát triển bền vững; con người.

Abstract: Humanity is facing many complicated problems that need to be solved, including environmental issues, sustainable development. However, the perception and solutions of each subject are different, so the achievements are still limited. This not only affects the lives of the present generation but also threatens to affect future generations. Therefore it is necessary to have deep awareness as well as unified and effective actions.

Keywords: sustainable development; people.

Phát triển bền vững đã được xác định là sự phát triển cân bằng giữa các yếu tố kinh tế - xã hội và môi trường, đảm bảo thỏa mãn những nhu cầu của thế hệ hiện tại và tương lai. Phát triển bền vững là chủ đề nghị sự của nhiều diễn đàn, tổ chức trên thế giới nhiều thập kỷ qua. Điều đó cho thấy tính cấp bách của vấn đề mà nhân loại đang phải đối mặt và phải giải quyết. Tuy vậy, cho đến nay, việc nhận thức và hành động của các chủ thể - con người trên hành tinh chúng ta, có vẻ như chưa đạt được tiến bộ như mong muốn. Vì thế, đây vẫn là chủ đề cần bàn thảo để đạt được sự thống nhất cao về nhận thức và hành động quyết liệt mạnh mẽ của các chính phủ, các tổ chức và mỗi cá nhân. Cần thấy rằng, phát triển bền vững không có mục đích tự nó, mà phát triển bền vững là vì con người, nên mọi quyết sách về phát triển bền vững phải đặt con người vào trung tâm, là yếu tố cơ bản, cốt lõi.

Chúng ta đều biết, xã hội là một bộ phận đặc biệt

của giới tự nhiên, là hình thức tổ chức vật chất cao nhất trong giới tự nhiên. Ph.Ăngghen (nhà triết học duy vật biện chứng, 1820 - 1895, người Đức) cho rằng, con người là kết quả của sự tiến hoá lâu dài (hàng triệu năm) của vật chất, “một cơ thể phức tạp nhất mà giới tự nhiên sản sinh ra được”. Để tồn tại, con người và xã hội phải dựa vào tự nhiên, dựa vào vật chất, môi trường xung quanh.

Ph.Ăngghen cho rằng giới tự nhiên là môi trường sống, là nơi cung cấp những vật liệu cho lao động biến thành của cải phục vụ cho con người. Bởi vậy, không thể đối lập con người với tự nhiên, mà phải coi là một thể thống nhất biện chứng, bền vững, tạo nên hệ thống cân bằng động giữa con người và tự nhiên.

Khi mới thoát thai từ động vật, con người hầu như phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên, chịu sự tác động “mù quáng” của những lực lượng chưa kiểm soát được, nhưng hệ thống cân bằng ấy vẫn được xác lập.

Chỉ từ khi con người khai thác tự nhiên quá mức, thì hệ thống mất sự cân bằng, mất đi tính bền vững. Trong quá trình sản xuất, thông qua lao động, con người học được cách cải biến, điều khiển những quá trình tự nhiên trong phạm vi ngày càng mở rộng. Xã hội càng phát triển thì sự tác động (cải tạo, biến đổi) tự nhiên càng mạnh mẽ. Những tác động ấy đã lớn đến mức vượt giới hạn cho phép, tức làm phá vỡ sự cân bằng của hệ thống con người - xã hội - tự nhiên.

Ph.Ăngghen cho rằng: “Trong giới tự nhiên, không có cái gì xảy ra một cách đơn độc cả. Hiện tượng này tác động đến hiện tượng khác và ngược lại”⁽¹⁾. Bởi vậy, “chúng ta không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta đối với giới tự nhiên. Bởi vì cứ mỗi lần chúng ta đạt được một thắng lợi, là mỗi lần giới tự nhiên trả thù lại chúng ta”⁽²⁾.

Điều này hoàn toàn chính xác, bởi lẽ con người - tự nhiên là một hệ thống động, các yếu tố của nó tác động qua lại lẫn nhau, con người tác động lên tự nhiên, ngược lại tự nhiên cũng tác động lên con người. Nhưng chiều thứ hai thì con người thường “không lường trước được” và đôi khi nó lại phá huỷ tất cả những kết quả ban đầu mà con người đã đạt được. Nhiều nền văn minh, trong đó nền văn minh *Maia* bị tiêu vong có lẽ là do những nguyên nhân này. “Và những việc đó nhắc nhở chúng ta từng giờ từng phút rằng chúng ta hoàn toàn không thống trị được giới tự nhiên như một kẻ xâm lược thống trị một dân tộc khác, như một người sống bên ngoài giới tự nhiên”⁽³⁾.

Như vậy, quyền hành và sự thống trị của con người đối với tự nhiên không phải là vô hạn, tuyệt đối. Bởi vì, con người chinh phục giới tự nhiên nhưng con người vẫn nằm trong lòng nó, chứ không phải như một kẻ sống bên ngoài giới tự nhiên. Theo đó, việc chinh phục, cải tạo, biến đổi giới tự nhiên phải ở trong khuôn khổ cân bằng động của hệ thống con người - tự nhiên. Nếu vì tham lam trước mắt mà phá vỡ thể cân bằng của hệ thống thì con người phải trả giá, phải lĩnh những hậu quả tai hại khó lường. Có những hậu quả trước mắt mà chúng ta có thể thấy ngay nhưng có những hậu quả lâu dài mà trải qua hàng nghìn năm mới đánh giá hết được mức độ nguy hại của nó.

Vấn đề căn bản ở đây không chỉ là ở việc nhận thức và giải quyết tốt mối quan hệ giữa con người với tự nhiên đơn thuần, mà chính là việc nhận thức quan hệ giữa con người với con người trong ứng xử với

môi trường tự nhiên.

Tính không bền vững của mối quan hệ giữa con người với tự nhiên xuất phát từ chính cách tiếp cận và xử lý mối quan hệ giữa con người với con người đối với quyền bình đẳng về sự thụ hưởng những sản phẩm từ tự nhiên. Quyền chiếm đoạt tự nhiên đã dẫn đến sự bất bình đẳng về quyền thụ hưởng của nhân loại đối với sản phẩm từ tự nhiên ấy. Đây là căn nguyên của việc khai thác cạn kiệt tự nhiên, đồng thời phá vỡ hệ thống cân bằng vốn có của tự nhiên trong quá trình tiến hoá.

Theo Ph.Ăngghen, mâu thuẫn giữa con người với tự nhiên được bắt nguồn từ sự mâu thuẫn trong quan hệ xã hội. Do vậy, trước hết phải giải quyết mâu thuẫn xung đột giữa con người với con người để giải quyết xung đột giữa con người với tự nhiên và nhờ đó thực hiện hoà giải giữa con người với tự nhiên và giữa con người với con người. Ph.Ăngghen viết: “Muốn tiến hành sự điều tiết ấy cho được tốt mà chỉ đơn thuần dựa vào nhận thức thôi thì chưa đủ. Cần phải có sự chuyển biến hoàn toàn trong phương thức sản xuất đã tồn tại cho đến nay, và đồng thời, trong chế độ xã hội hiện tại”⁽⁴⁾.

“Chỉ có một xã hội nào có khả năng phối hợp được các lực lượng sản xuất của nó một cách nhịp nhàng, theo một kế hoạch chung duy nhất, thì mới cho phép phân bổ được công nghiệp trên khắp cả nước, sao cho thích hợp nhất đối với sự phát triển”⁽⁵⁾.

Trong các xã hội mà nền sản xuất chạy theo lợi nhuận tối đa, khai thác cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, phá huỷ môi trường sinh thái, môi trường tự nhiên thì con người đã nhận hậu quả nặng nề, không thể khắc phục. “Khủng hoảng năng lượng, lương thực, sự cạn kiệt của các nguồn tài nguyên thiên nhiên, sự suy thoái của môi trường sinh thái... đang đặt ra những thách thức vô cùng lớn cho sự tồn tại và phát triển của nhân loại. Đó là hậu quả của một quá trình phát triển kinh tế - xã hội lấy lợi nhuận làm mục tiêu tối thượng, coi chiếm hữu của cải và tiêu dùng vật chất ngày càng tăng làm thước đo văn minh, lấy lợi ích cá nhân làm trụ cột của xã hội”⁽⁶⁾. Điều đó chứng minh tính không bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái mà nhân loại đang phải đối mặt.

Trong chừng mực con người còn bị chi phối bởi tư tưởng chiếm đoạt tự nhiên, tiêu dùng vật chất vô hạn độ và huỷ hoại môi trường thì chừng đó con

người sẽ tiếp tục bị giới tự nhiên “trả thù”, theo đó sẽ không thể có một cuộc sống tốt đẹp, lành mạnh cho con người và tự nhiên.

Trong nhiều thập kỷ qua, tài nguyên chính là nguồn gốc chi phối đời sống chính trị - xã hội quốc tế. Chiến lược đối nội và đối ngoại của một quốc gia đều liên quan đến việc tìm kiếm, khai thác và sử dụng tài nguyên. Những tranh chấp tài nguyên là nguyên nhân của nhiều cuộc chiến tranh nhằm chiếm đoạt và vẽ lại bản đồ tài nguyên thế giới. Nhiều nước tư bản chủ nghĩa, thay vì khai thác tài nguyên của chính mình, lại tìm cách sử dụng tài nguyên của các quốc gia khác phục vụ cho sự phát triển của mình. Điều này càng cản trở những nỗ lực để xác lập hệ thống cân bằng giữa con người và tự nhiên.

Mặt khác, so với tất cả các sinh vật khác, con người nhận thức được quy luật của giới tự nhiên và có thể sử dụng được những quy luật đó một cách chính xác. Nhưng nhận thức để sống hài hoà với nó khác với việc nhận thức để chinh phục, khai thác, chiếm đoạt nó. Các hệ thống sản xuất ra đời và thay đổi liên tục cùng với các cuộc cách mạng công nghiệp đang cho thấy rõ điều đó.

Cho đến nay, lịch sử loài người đã và đang trải qua bốn cuộc cách mạng công nghiệp, với những nội dung chủ yếu sau:

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất từ năm 1784, diễn ra tại Tây Âu và Bắc Mỹ từ đầu thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX. Đây là cuộc cách mạng công nghiệp sơ khai với sự ra đời của hệ thống máy móc. Con người đã sử dụng năng lượng nước và hơi nước để cơ giới hoá sản xuất. Nó đánh dấu sự khởi đầu của kỷ nguyên sản xuất cơ khí thay thế hệ thống kỹ thuật cũ.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai được bắt đầu từ nửa cuối thế kỷ XIX (năm 1870) đến đầu Chiến tranh thế giới thứ nhất (năm 1914) với thành tựu cơ bản là động cơ đốt trong (gắn với sự hình thành của các xe cơ giới) và điện. Phạm vi của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai, trên cơ sở kế thừa những thành tựu khoa học đã đạt được, diễn ra rộng hơn so với cuộc cách mạng lần thứ nhất, tuy nhiên trung tâm của nó vẫn nằm tại châu Âu và Bắc Mỹ, nơi có những tiền đề và cơ sở kỹ thuật phát triển mạnh mẽ. Con người đã phát minh ra động cơ điện, sử dụng năng lượng điện để tạo nên nền sản xuất với các dây

chuyền lắp ráp.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba được bắt đầu vào cuối những năm 60 của thế kỷ 20 (năm 1969) khi con người phát minh ra máy tính, Internet nên còn gọi là cuộc cách mạng số. Đây là thời kỳ mà máy móc cùng với việc ứng dụng công nghệ thông tin để tự động hoá sản xuất đã thay thế phần lớn chức năng của con người. Đây là cuộc cách mạng gắn với quá trình toàn cầu hoá sâu rộng, ảnh hưởng đến hầu hết mọi quốc gia trên thế giới. Với lượng hàng hoá khổng lồ, nhu cầu về nguyên vật liệu và tiêu thụ sản phẩm diễn ra mạnh mẽ, khiến sự gắn bó, hợp tác, ràng buộc giữa các quốc gia, các thực thể ngày càng chặt chẽ.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư xuất hiện từ những năm 2000 mà bản chất của nó là mang thế giới thực và ảo xích lại gần nhau dựa trên nền tảng công nghệ số và tích hợp tất cả các công nghệ thông minh để tối ưu hoá quy trình, phương thức sản xuất; nhấn mạnh những công nghệ đang và sẽ có tác động lớn nhất là công nghệ in 3D, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hoá, người máy... Nó tạo ra sự hợp nhất, không có ranh giới giữa các lĩnh vực công nghệ, vật lý, kỹ thuật số và sinh học. Đây là xu hướng kết hợp giữa các hệ thống ảo và thực thể, vạn vật kết nối Internet (IoT) và các hệ thống kết nối Internet (IoS). Sự phổ biến của các công nghệ như vạn vật kết nối, điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo... đang xoá nhoà mọi ranh giới, giúp cho con người, sản phẩm và máy móc tự kết nối, giao tiếp với nhau. Tốc độ phát triển của những đột phá trong Cách mạng công nghiệp lần thứ tư này là không có tiền lệ trong lịch sử. Nếu như các cuộc cách mạng công nghiệp trước đây diễn ra với tốc độ theo cấp số cộng thì tốc độ phát triển của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư này là theo cấp số nhân. Thời gian từ khi các ý tưởng về công nghệ và đổi mới sáng tạo được phôi thai, hiện thực hoá các ý tưởng đó trong các phòng thí nghiệm và thương mại hoá ở quy mô lớn các sản phẩm và quy trình mới được tạo ra trên phạm vi toàn cầu được rút ngắn đáng kể.

Mặc dù khoa học công nghệ đã thay đổi căn bản tư duy và hành động của con người đối với tự nhiên, song cho đến nay, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vẫn đang sử dụng rất lớn những nguyên liệu từ tự nhiên. Những cuộc khủng hoảng năng lượng hàng trăm năm qua và cả hiện nay phản ánh thực tế là các

nền sản xuất do con người tạo ra chưa khắc phục được sự mất cân bằng giữa con người và tự nhiên. Thậm chí, ở nhiều khía cạnh còn làm trầm trọng hơn những gì con người lo ngại. “Nếu con người nhờ vào khoa học và thiên tài sáng tạo của mình mà chinh phục được các lực lượng tự nhiên, thì các lực lượng tự nhiên trả thù lại bằng cách bắt bản thân con người, trong chừng mực con người sử dụng những lực lượng tự nhiên ấy, phải phục tùng một sự chuyên chế thực sự, bất chấp tổ chức xã hội là như thế nào”⁽⁷⁾.

Điều thật bất ngờ từ kết quả một nghiên cứu do Tổ chức Oxfam có trụ sở tại Anh công bố rằng, các hoạt động đầu tư của 125 người giàu nhất thế giới tạo ra trung bình 3 triệu tấn CO₂ mỗi người. Con số này có nghĩa là chỉ riêng một người trong nhóm siêu giàu đã thải ra lượng khí CO₂, cao gấp 1 triệu lần so với lượng khí thải CO₂ của 90% dân số toàn cầu cộng lại. Theo đó, tổng phát thải khí hàng năm của 125 người giàu nhất là 393 triệu tấn CO₂, trong khi con số này từ 7,22 tỷ người trên thế giới chỉ là 2,76 tấn⁽⁸⁾.

Những thiên tai thảm khốc với con người như cháy rừng, lũ lụt, sa mạc hoá, xâm thực mặn, bão cát, động đất, nước biển dâng, biến đổi khí hậu... xuất hiện ngày càng nhiều, phạm vi ngày càng lớn, tính chất phức tạp đã cho thấy những bất lực và bế tắc mà con người đang phải giải quyết hậu quả do chính mình tạo ra.

Các quốc gia, các chính phủ, các tập đoàn đã xây dựng và thực thi nhiều chính sách cho những dự án nhằm cải tạo môi trường tự nhiên cho chính mình, song dường như những nỗ lực ấy là chưa đủ. Một khi không có sự thống nhất nhận thức về nguyên nhân của những hậu quả, tính nghiêm trọng của vấn đề và không thống nhất hành động thì mọi nỗ lực của cá nhân, tổ chức, quốc gia nhất định sẽ trở nên vô nghĩa.

Chẳng hạn, tháng 12.2009 diễn ra tại Hội nghị Copenhagen (Đan Mạch) đã thu hút nhiều quốc gia tham gia nhất từ trước đến nay. Nhưng, do đụng chạm đến lợi ích của các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc, nên Hội nghị đã thất bại, không đi đến một thỏa thuận có tính pháp lý nhằm giảm tải sự biến đổi khí hậu trái đất. Tháng 12.2011 đã diễn ra Hội nghị toàn cầu về biến đổi khí hậu ở Durban (Nam Phi) với sự tham gia của 194 nước. Đến giờ phút chốt, các đại diện của 194 nước tham dự, cũng đã không đạt được thỏa thuận về hiệp ước hạn chế biến đổi khí hậu trong tương lai.

Điều đó cho thấy, đây vẫn là nhiệm vụ khó khăn và rất lâu dài đang đặt ra đối với nhân loại hiện nay.

Điều chúng ta cần là sự phát triển bền vững, hài hoà với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên thiên nhiên⁽⁹⁾. Đây cũng là tinh thần chủ đạo trong các quyết sách chính trị của Việt Nam để hướng Việt Nam vào xây dựng đất nước phát triển bền vững.

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu tác động nặng nề nhất bởi biến đổi khí hậu toàn cầu, nên chúng ta thấu hiểu hơn hết sự cần thiết phải tạo lập sự phát triển theo hướng bền vững. Các quyết sách của Đảng và Chính phủ Việt Nam trong nhiều thập kỷ qua đã được xây dựng và thực thi theo tinh thần ấy. Việt Nam luôn gắn vấn đề phát triển đất nước với phát triển bền vững và xác định con người là trung tâm trong các chiến lược phát triển. Con người được xác định là mục tiêu, là động lực của sự phát triển.

Tại Đại hội lần thứ VII (năm 1991), Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra những quan điểm về phát triển đất nước gắn với bảo vệ môi trường trong *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000*: “Tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững”, “Tăng trưởng kinh tế, gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá và bảo vệ môi trường”.

Đại hội VIII (năm 1996) nhấn mạnh bài học: “Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái”⁽¹⁰⁾.

Đại hội IX (năm 2001), Đại hội X (năm 2006) tiếp tục khẳng định quan điểm: “Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”⁽¹¹⁾.

Đại hội XI (năm 2011) chỉ rõ phát triển nhanh gắn với phát triển bền vững, và phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020, đồng thời rút ra bài học: “Phải thực sự coi trọng chất lượng, hiệu quả tăng trưởng và phát triển bền vững. Tăng cường huy động, gắn với sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước”; “Tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”⁽¹²⁾.

Đại hội XII (năm 2016) khẳng định: “Bảo đảm phát triển nhanh, bền vững trên cơ sở bền vững kinh tế vĩ mô và không ngừng nâng cao năng suất, chất

lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển hài hoà giữa chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu; phát triển kinh tế tri thức, kinh tế xanh. Phát triển kinh tế, gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Bảo đảm quốc phòng, an ninh và giữ vững hoà bình, ổn định để xây dựng đất nước”⁽¹³⁾. “Phát triển nhanh và bền vững (hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của Liên hợp quốc); giải quyết hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường”⁽¹⁴⁾.

Đại hội XIII (năm 2021) xác định: “Chiến lược phát triển tổng thể của đất nước ta là đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc Đổi mới, phát triển nhanh và bền vững đất nước; bảo đảm gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó: Phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hoá là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên”⁽¹⁵⁾.

Để đạt các mục tiêu như Đại hội XIII của Đảng xác định: “Về môi trường, đến năm 2025, tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị là 95-100%, nông thôn là 93-95%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 90%; tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường là 92%; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%; giữ tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42%, đòi hỏi phải đẩy mạnh phát triển nhanh và bền vững.

Văn kiện Đại hội XIII xác định: “Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phải đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số, xã hội số, coi đây là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát huy tối đa lợi thế của các vùng, miền; phát triển hài hoà giữa kinh tế với văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng chính sách, người có công, người nghèo, người yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số”⁽¹⁶⁾.

Tại Hội nghị COP26, Việt Nam cam kết mạnh mẽ với cộng đồng quốc tế về việc đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Ngay sau COP26, Việt Nam đã khẩn trương cụ thể hoá, bắt tay thực hiện ngay những cam kết của mình trước cộng đồng quốc tế. Việt Nam đã hoàn thiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; xây dựng Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị COP26; Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050; Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí carbon và khí methane của ngành giao thông vận tải; Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê tan đến năm 2030. Một số bộ, ngành đã và đang xây dựng Kế hoạch hành động triển khai cam kết của Việt Nam tại COP26 hướng tới mục tiêu đạt mức phát thải ròng bằng “0”. COP27 sẽ tập trung vào 3 lĩnh vực chính: giảm lượng khí thải, giúp các quốc gia chuẩn bị và đối phó với biến đổi khí hậu, đảm bảo hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cho các nước đang phát triển.

Tuy vậy, việc thiết lập sự phát triển bền vững không thể chỉ thực hiện ở một quốc gia mà là sự nỗ lực toàn cầu. Vì thế, các quốc gia đều phải có nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn và hành động mạnh mẽ, quyết liệt hơn để hành tinh chúng ta tái lập được sự phát triển cân bằng, bền vững./.

(1), (2), (3), (4), (5) C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2002, T.20, tr. 652, 654, 655, 657, 409.

(6), (9) Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. CTQG Sự thật, H., tr.13.

(7) C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, T.18, tr.420.

(8) <https://vtv.vn/the-gioi/soc-voi-luong-khi-nha-kinh-cac-ty-phu-thai-ra-20221108195815439.htm>

(10) Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. CTQG, tr.85.

(11) Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. CTQG Sự thật, tr.88.

(12) Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. CTQG Sự thật, Hà Nội, tr.21.

(13), (14) Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, tr.270, 87.

(15), (16) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. CTQG Sự thật, Hà Nội, T.1, tr.33-34, 214-215.